

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Bà Đoàn Thị Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Bà H Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình K đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Long, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 6 năm 2008

trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2022, giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cả hai không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm. Anh K nhiều lần chơi bời, sa vào các tệ nạn nhưng không chịu thay đổi. Đến năm 2024, tình trạng này trở nên nghiêm trọng hơn khi anh K vừa chơi bời vừa ghen tuông vô cớ, thậm chí có hành vi bạo lực, đánh đập chị, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của chị. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên B, mong anh K thay đổi, nhưng anh K không thay đổi. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 4/2024, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm và hôn nhân giữa hai người không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, tinh thần bị ảnh hưởng nặng nề, do đó chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 02/01/2012, cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 10/01/2016 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 07/02/2019. Do các cháu sống cùng anh K và ông bà nội từ nhỏ đến nay. Đồng thời, anh K làm nghề lái xe thu nhập hàng tháng trung bình 15.000.000 đồng/tháng, chị thì là lao động tự do thu nhập hàng tháng không ổn định và đang ở nhà trọ. Để đảm B điều kiện tốt nhất cho cả 03 cháu nên chị đề nghị Tòa án giao cả 03 cháu cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thỏa thuận với anh K mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án, bị đơn trình bày: Anh thống nhất với việc trình bày của chị H về hoàn cảnh, thời gian kết hôn, thời gian chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn gia đình đúng như chị H trình bày. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên việc chị H có yêu cầu giải quyết ly hôn, quan điểm của anh cũng thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung. Hiện nay anh làm nghề lái xe, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng. Các cháu đều sống cùng anh và ông bà nội từ nhỏ. Để đảm B cho sự phát triển ổn định của các cháu, anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giao cả hai cháu cho anh nuôi dưỡng. Anh chị sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con mà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương, qua các thông tin của chính quyền địa phương các nội dung đúng như lời trình bày của các đương sự tại Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề vắng mặt tại phiên toà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại xã Phù Long, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên hoà giải nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã lập biên bản về việc không hoà giải được, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh K có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung, bên cạnh đó khó khăn về kinh tế dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh, chị đã sống ly thân từ tháng 4/2024 mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, anh K cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh K có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 02/01/2012, cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 10/01/2016 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 07/02/2019. Nguyên đơn có yêu cầu giao cả 03 con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H và anh K sống ly thân với nhau từ tháng 4/2024. Anh K hiện tại đang sống cùng cả ba con. Anh K hiện đang làm nghề lái xe, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, chị H nghề nghiệp tự do thu nhập hàng tháng không ổn định và các con đều có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố. Đồng thời, anh K đồng ý nuôi cả 03 con chung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về con chung của nguyên đơn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung là cháu Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 02/01/2012, cháu Nguyễn Đình B, sinh ngày 10/01/2016 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 07/02/2019 cho anh Nguyễn Đình K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về

cấp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0007235 ngày 11 tháng 02 năm 2025. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Phù Long, huyện Cát Hải, Tp Hải Phòng;
- (Đăng ký kết hôn ngày 13/6/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh